TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-4-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Ngọc Anh

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Hải Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 683/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 204/TB-TA ngày 13 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Quang V; nơi cư trú: Số 12/15/51 P, phường V, quận L, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị C; nơi cư trú: Số 12/15/51 P, phường V, quận L, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Trần Quang V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị C xây dựng gia đình với nhau từ năm 2000 trên

cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức hỏi cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố H vào ngày 03/4/2000. Đến nay vợ chồng có một con chung.

Quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng đỉnh điểm vào năm 2015. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không còn hoà hợp. Chị C nhiều lúc cư xử không đúng mực, hay ghen tuông vô cớ. Hai bên thường xuyên xảy ra bất hoà, dần mất đi tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã khuyên giải và bản thân anh V cũng cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ năm 2017 đến nay hai bên đã sống ly thân, mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng hai bên không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Việc chị C không đồng ý ly hôn và cho rằng anh có mối quan hệ với người khác không phải do chị còn tình cảm với anh, mà do chị cố tình gây khó khăn cho anh trong việc giải quyết mọi vấn đề. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, anh Trần Quang V đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị C

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Quang D, sinh ngày 20/8/2001, đến nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, bị đơn chị Nguyễn Thị C vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, quan điểm của chị như sau:

Chị nhất trí với phần trình bày của anh V về điều kiện kết hôn và con chung. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống. Chị cho rằng anh V có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không còn quan tâm đến gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Bản thân chị đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng vẫn chung sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Anh V xin ly hôn, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng vẫn có thể hòa giải chị mong muốn Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung. Tuy nhiên trường hợp anh V cương quyết xin ly hôn thì chị buộc phải đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Quang D, sinh ngày 20/8/2001, đến nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy quá trình chung sống

anh chị có xảy ra mâu thuẫn vài năm nay, anh V đã nhiều lần xin ly hôn nhưng chưa giải quyết được. Anh chị vẫn sống chung một nhà nhưng đã ly thân nhau được một thời gian, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh V xin ly hôn, đề nghị Toà án hoà giải để anh chị đoàn tụ, nếu không được thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục về pháp luật tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Anh Trần Quang V và chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 03/4/2000 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách sống, không tin tưởng lẫn nhau nên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh V ly hôn chị C theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Anh V và chị C có một con chung là Trần Quang D, sinh ngày 20/8/2001, đến nay đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên đều không có yêu cầu về tài sản chung nên không xem xét.

Về án phí: Anh Trần Quang V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo đơn khởi kiện và trình bày của đương sự thể hiện: Chị Nguyễn Thị C có nơi cư trú tại: Số 12/15/51 P, phường V, quận L, thành phố H. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là anh Trần Quang V và bị đơn là chị Nguyễn Thị C thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là chị Nguyễn Thị C vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị C.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang V và chị Nguyễn Thị C xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố H vào ngày 03/4/2000 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống: Vợ chung hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn đỉnh điểm do bất đồng quan điểm sống, cách sống. Vợ chồng không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, chị C cũng trình bày vợ chồng nảy sinh nhiều bất đồng trong cuộc sống, mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng anh V vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai về mọi mặt. Qua xác minh tại nơi cư trú của anh V và chị C cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy anh V yêu cầu được ly hôn chị C là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Anh V và chị C có một con chung là Trần Quang D, sinh ngày 20/8/2001, đến nay đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh V và chị C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Anh V phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Quang V được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

- Về án phí: Anh Trần Quang V phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh V đã nộp đủ số tiền án phí là 300.000đ theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013679 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS q.Lê Chân;
- UBND xã H, huyện T, H (GCNKH ngày 03/4/2000);
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thùy Linh